



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____

LOI#: _____

I-171#: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN VĂN NAM
Last Middle First

Current Address: 80/27 Phoi Tho P2. Q.11. TP HCM.

Date of Birth: 1952 Place of Birth: Saigon

Previous Occupation (before 1975) 2nd Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 1975 To 2/18/81
Years: 5 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

(Listed on page 1)

[illegible]

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ TRẠI GIAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

TRẠI GIA TRUNG

Số: 1733

Gia Trung ngày 18 tháng 2 năm 1981

(0 : 03 : 6 : 80 : 04 : 0 : 0 : 2)

LẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ 326/173 ngày 22 tháng 8 năm 1977 của Thủ Tướng Chính Phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sỹ nhân viên cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư liên Bộ Quốc Phòng - Nội Vụ số 07/TT-LB ngày 2 tháng 11 năm 1977 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Thực hành quyết định tha bỏ : 01 ngày 18 tháng 01 năm 19 81
của Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ.

Đã thay đổi từ ngày
Tên tỉnh điền

CẤP GIẤY RA TRẠI

/-/o và tên : NGUYỄN VĂN NAM năm sinh: 1952

Sinh quán : Sài Gòn

Trú quán : 80/27 - Phố thị, P17, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

Số lính : 72/147.003 Cấp bậc: Thiếu úy

Chức vụ : Phân chi Khu phố trong bộ máy chính quyền quân sự và các tổ chức chính quyền phản động của chế độ cũ.

Khi về phải trực tiếp trình ngày giầy này với ủy ban nhân dân công an xã, phường thuộc quận HCM thành phố HCM và phải tuân theo các quy định của ủy ban nhân dân tỉnh x thành phố về việc quản chế về nơi cư trú và các mặt quản lý khác.

Số 3555/90 Thời hạn quản chế 12 (mười hai) tháng

CHUNG NHẬN Thời hạn đi đường: 04 ngày kể từ ngày

GIANG Y BAN CHÍNH cấp giấy ra trại.

Xét và thực hành 20 ngày 12 tháng 1981 Tiền và lương thực đi đường đã cấp: 100 (một trăm đồng)

Ngày 28 tháng 12 năm 1981

CHỦ TỊCH

ỦY VIÊN THỦ KÝ

Lưu ngón tay trở phải

chữ ký của người được cấp giấy

Nguyễn Văn Nam

Định biên số: 16427

Địa chỉ: Q. Khu

Nguyễn Văn Nam



ĐÔ-THÀNH SAIGON

HỘ-TỊCH

Bản số 844-B

*

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm năm mươi hai (1952)

Tên, họ đứa nhỏ	Nguyễn văn NAM
Phái	nam
Ngày sanh	ngày hai mươi hai tháng giêng năm một ngàn chín trăm năm mươi hai, 7g50
Nơi sanh	Saigon, 284 đường Arras
Tên, họ người Cha	Nguyễn văn Hoành nhận nhận tại quận 7 Saigon ngày 5/8/1958
Nghề-nghiệp	-----
Nơi cư-ngụ	-----
Tên, họ người Mẹ.	Phạm thị Tư
Nghề nghiệp.	buôn bán
Nơi cư-ngụ	Saigon, 342 đường Richard
Vợ chánh hay thứ.	-----

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÁNH :

Saigon, ngày..... tháng..... năm 196.....

T.U.N. ĐÔ-TRƯỞNG SAIGON

CHỦ SỰ PHÒNG HỘ-TỊCH

luu



KHUẾ-THỊ VINH

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS.

ODP IV -

Fill out this questionnaire in English as completely as possible.
If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

A/- BASIC IDENTIFICATION DATA :

- 1- Name : NGUYEN VAN NAM Sex : (NAM)
- 2- Other name : (Không)
- 3- Date, Place of Birth : 22 01 1952 Saigon
- 4- Residence address : 80/27 Phai cho. Phường 2. Q. 11. TP. Hồ Chí Minh.
- 5- Mailing address : 80/27 Phai cho. Phường 2. Q. 11. TP. Hồ Chí Minh.
- 6- Current occupation : Làm ông nội

B/- RELATIVES TO ACCOMPANY ME :

(Note : your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List Marital Status (MS) as follows : Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S))

NAME : DATE OF BIRTH : PLACE OF BIRTH : SEX : M S : RELATIONSHIP

- | NAME | DATE OF BIRTH | PLACE OF BIRTH | SEX | M S | RELATIONSHIP |
|--------------------------|---------------|----------------|-----|-----|-----------------|
| 1- <u>Nguyễn Văn Nam</u> | | | | | <u>(Single)</u> |
| 2- | | | | | |

NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of Birth Certificates, Marriage Certificates (if married), Divorce Decrees (if Divorced), spouse's Death Certificate (if widowed), Identification Cards (if available) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their address in section I below).

C/- RELATIVES OUTSIDE VIETNAM :

of MYSELF : of MY SPOUSE

1- Closest relatives in the US .:

a/ Name : Nguyễn Thanh Sơn ;

b/ Relationship : em ruột

c/ Address :

d/ Date of relative's arrival :

in the US. : 18.7.1981

2- Closest relatives in other

foreign countries :

a/ Name : Nguyễn Thị Kim Phụng

b/ Relationship : em ruột

c/ Address :

D/ COMPLETE FAMILY LISTING (living/ dead) :

- 1) Father : *Nguyễn Văn Hồng (dead)*
- 2) Mother : *Phạm Thị Tú (Living)*
- 3) Spouse : : (None)
- 4) Former spouse (if any) :
- 5) Children : *1/ Nguyễn Thị Bích Tuyết (Liv) 3/ Nguyễn Thanh Sơn (L)*
- 6) Siblings : *2/ Nguyễn Kim Chi (Liv) 4/ Nguyễn Thị Kim Phụng (L)*

E/ EMPLOYMENT BY US.GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US.ORGANISATION OF YOU OR YOUR SPOUSE :

1/ Employee's name :

2/ Position/ Title :

- Agency/Company/ Office :

- Length of employment : from: to:

- Name of American supervisor :

- Reason for separation :

F/ SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE :

1/ Name of person serving : *Nguyễn Văn Nam*

2/ Dates: from: *27/7/1972* to: *30/4/1975*

3/ Last rank : *Thiếu úy* Military Number: *72/147.003*

4/ Ministry/ Office/ Military Unit : *Tiểu Khu Long An*

5/ Name of Supervisor/ CO. : *Trung tá Phạm Văn Bê*

6/ Reason for separation :

7/ Name of American advisor (s) :

8/ US.Training course in Vietnam :

9/ US.Awards or Certificates :

Date received :

Name of award :

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or Certificates, if available.

Available ? ~~YES~~..... NO...X.....

G/ TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE :

1/Name of student/ Trainee :

2/School and school address :

3/Dates : from : to :

4/Description of courses :

5/Who paid for training ?

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if
available. Available ? YES..... NO.....

H/ REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE :

1/ Name of person in reeducation : *Nguyễn Văn Nam*

2/ Time in Reeducation : from: *26/6/1975* to: *18/2/1981*

3/ Still in reeducation ? ~~YES~~..... NO.....

(if released, we must have a copy of your release certificate).

I/ ANY ADDITIONAL REMARKS :

SIGNATURE :

Nam

DATE :

15/9/1989.

J/ PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE:.

TRÍCH-LỤC ÁN PHÒNG LỤC-SỰ TÒA

SC-THAM SAIGON

Ngày 12 tháng II năm 1968
Số I 4636/XD

Tòa SC-THAM xử về việc
Hộ trong phiên nhóm công khai
ngày 12 tháng II năm 1968
gồm có các ông :

Ấn thế-vì khai-sanh cho

~~XXXXXXXXXX~~ điều-chính

khai-sanh cho NGUYỄN-VĂN-NAM.

Chánh-Án :
Biện-Lý : Nguyễn-Văn-Chuông
Lục-Sự : Phạm-Kim-Quy
Trần-Văn-Anh

đã lên bản án như sau :

BẢN ÁN

TÒA ÁN

Chiếu theo đơn của

Phạm-Thị-Tư
BƠI CÁC LỀ ÁY

Chứng-nhận :
~~XXXXXXXXXX~~

Truyền điều-chính trên khai-sanh số
844-B của Nguyễn-Văn-Nam, nam, sanh ngày hai
mươi hai, tháng giêng, năm một ngàn chín trăm
năm mươi hai (22.I.1952) tại Saigon như sau:

- Khoản tên họ người mẹ trước ghi
Phạm-Thị-Tư nay sửa lại là Phạm-Thị-Tư.

//////

Phán rằng án này thế-vì khai-sanh cho

~~XXXXXXXXXX~~ khai-sanh đương-niên

Tòa Đ-Chính Saigon.

và lược biên án này vào tờ tờ khai-sanh gần như ngày

giữ tại tòa-tri-công nói trên

và Phòng Lục-Sự Tòa Án sở tại.

nơi nói trên

đay nguyên-đơn chịu hết án phí

án này làm, xử và tuyên vào ngày, tháng và năm đã kể trên.

Ký tên :

Trước Nguyễn-Văn-Chuông và Trần-Văn-Anh.

Quyền
Thầu

Tờ

Số

37/7

GIÁ TIỀN

Con niêm ..	24800
Bồng lộc. . .	5300
Biên-lai . . .	0\$50
Cộng-chung .	29850

TRÍCH Y BẢN CHÍNH

SAIGON ngày 12 tháng II năm 197



Bui-Văn-Tý

C O N T R O L

☐ Card
☒ Doc. Request; Form 12/8789
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "D"
☐ ODP/Date _____
☐ Membership; Letter